

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2025

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI**  
**Năm học 2024 - 2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục**

- Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có): không

- Cổng thông tin điện tử (website): [www.ngothoinhiem.edu.vn](http://www.ngothoinhiem.edu.vn)

**2. Địa chỉ hoạt động**

STT	Tên cơ sở/ điểm trường	Địa chỉ hoạt động	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Trụ sở chính	số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	(028) 37310522	truong@ngothoinhiem.edu.vn
2	Cơ sở 4	số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	(028) 36360025	truong@ngothoinhiem.edu.vn

**3. Loại hình**

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trường tư thực

- Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông

- Danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư:

STT	Họ và tên	Chức danh trong nhà trường	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Tố Uyên	Nhà đầu tư	Sở hữu 10% tỉ lệ vốn góp
2	Bà Phạm Thị Thúy Vĩnh	Nhà đầu tư	Sở hữu 30% tỉ lệ vốn góp
3	Ông Nguyễn Tất Thắng	Nhà đầu tư	Sở hữu 10% tỉ lệ vốn góp

4	Ông Giang Quốc Dũng	Nhà đầu tư	Đại diện 50% tỉ lệ vốn góp của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp CTCP (Becamex)
5	Bà Lê Thị Kim Xuyên	Nhà đầu tư	
6	Ông Bùi Anh Tuấn	Nhà đầu tư	

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

##### 4.1. Sứ mệnh

Đào tạo những thế hệ học sinh ưu tú có đầy đủ năng lực – phẩm chất để thích ứng với kỷ nguyên số và thành công trong cuộc sống hiện đại:

- Kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện. Giáo dục toàn diện về “Đức - Trí - Thể - Mỹ” và kỹ năng mềm để học sinh thích ứng với cuộc sống hiện đại, với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 .

- Mỗi học sinh trường Ngô Thời Nhiệm khi ra trường đều đạt được những phẩm chất, những năng lực cốt lõi để trở thành những con người thành công trong cuộc sống.

- Xây dựng môi trường thân thiện- trường học hạnh phúc; với phương châm dạy thật – học thật để có chất lượng thật; Hướng đến nền giáo dục năng động, linh hoạt, đạt hiệu quả cao. Từ năm 2023 – 2024 nhà trường đã triển khai xây dựng trường học hạnh phúc nhằm góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh (HS, CB, GV, NV, PH); Thông qua đó, cải thiện kết quả học tập của học sinh, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục của cơ sở giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; học sinh, và cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) được yêu thương, tôn trọng, an toàn, chia sẻ và thấu hiểu; ngăn ngừa, đấu tranh với các hành vi thiếu chuẩn mực về đạo đức, lối sống trong đội ngũ CB, GV, NV và HS hoặc các hành vi làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, thân thể CB, GV, NV, HS.

##### 4.2. Tầm nhìn

- Phát triển một học hiệu Ngô Thời Nhiệm có đẳng cấp uy tín – chất lượng thuộc top đầu trong hệ thống trường ngoài công lập của cả nước và hội nhập quốc tế sâu rộng:

- Đã thực hiện được mục tiêu đến năm 2025 trường Ngô Thời Nhiệm đứng vững top đầu của hệ thống trường ngoài công lập của Tp.HCM, Bình Dương nói riêng và của cả nước nói chung. Học hiệu của trường có đẳng cấp về kiến thức văn hóa và các kỹ năng mềm thích ứng với hội nhập quốc tế và đi đầu trong tiến trình đổi mới.

- Đang hướng tới mục tiêu đến năm 2030 trường Ngô Thời Nhiệm là đơn vị giáo dục có điều kiện cơ sở vật chất hiện đại, có chất lượng giáo dục cao, có mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị trí trong địa bàn trọng điểm kinh tế vùng Đông Nam bộ; phát triển thêm điểm trường tại vùng cửa ngõ phía Tây của TP.HCM sẽ thu hút học sinh đến từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

##### 4.3. Giá trị cốt lõi

<i>CÁN BỘ - GIÁO VIÊN – NHÂN VIÊN</i>	<i>HỌC SINH</i>
<i>Đổi mới - sáng tạo</i>	<i>Năng động – tích cực</i>
<i>Nhân ái – bao dung</i>	<i>Trung thực - tự tin</i>

## 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm được thành lập từ năm 1997. Tiền thân là Trường tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm tại “Quyết định số 04/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 26/04/1997” và Trường Trung học cơ sở dân lập Ngô Thời Nhiệm được thành lập theo “Quyết định số 13/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 08/05/1997” tại số 05 Ngô Thời Nhiệm, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm (Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm) được thành lập theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, trên cơ sở sáp nhập từ trường Tiểu học Dân lập Ngô Thời Nhiệm và trường Trung học phổ thông tư thục Ngô Thời Nhiệm

Đến thời điểm hiện nay, trường TH, THCS và Ngô Thời Nhiệm tại Tp.HCM có 02 cơ sở tại các địa điểm sau:

*Cơ sở 1:* Tại số 65D, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất là 8.588m<sup>2</sup> được nhà nước giao đất lâu dài để tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông đã được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng 28 năm.

*Cơ sở 4:* Tại số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất là 15.232,4m<sup>2</sup> được nhà nước giao đất lâu dài để tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông, đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2002.

Trường Ngô Thời Nhiệm có hệ thống chính trị hoàn chỉnh ngay từ khi thành lập trường gồm: Chi Bộ, Công Đoàn, Đoàn Thanh Niên. Chi bộ liên tục đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Công đoàn liên tục vững. Nhà trường có bí thư Đảng bộ chuyên trách và trợ lý thanh niên chuyên trách. Do trường có số lượng đảng viên đông, nên từ năm 2019 trường đã thành lập Đảng bộ cơ sở, có 04 chi bộ trực thuộc với 107 Đảng viên tham gia sinh hoạt.

Nhà trường xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động chặt chẽ và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, làm cơ sở để điều hành các hoạt động trong nhà trường; ban hành quy chế phối hợp giữa hội đồng quản trị và lãnh đạo nhà trường rõ ràng để thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy tổ chức của nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm hiện nay 345 người, trong đó 98% là giáo viên cơ hữu, nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình và tâm huyết, làm việc cả ngày tại trường cũng là một thế mạnh của trường. Thầy cô không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, vận dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào quá trình truyền thụ kiến thức nên học sinh dễ dàng tiếp thu bài học, có thể thuộc bài ngay trên lớp. Với quan điểm: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo”, nhà trường luôn hướng tới việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Nhiều giáo viên của Trường được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp thành phố.

Học sinh của trường đến từ nhiều tỉnh thành trong cả nước nên mặt bằng trình độ kiến thức không đồng đều, đa số không đủ điểm vào trường công lập, có hạnh kiểm chưa tốt. Nhưng sau một thời gian học tập tại trường các em đều được nâng lên về kiến thức

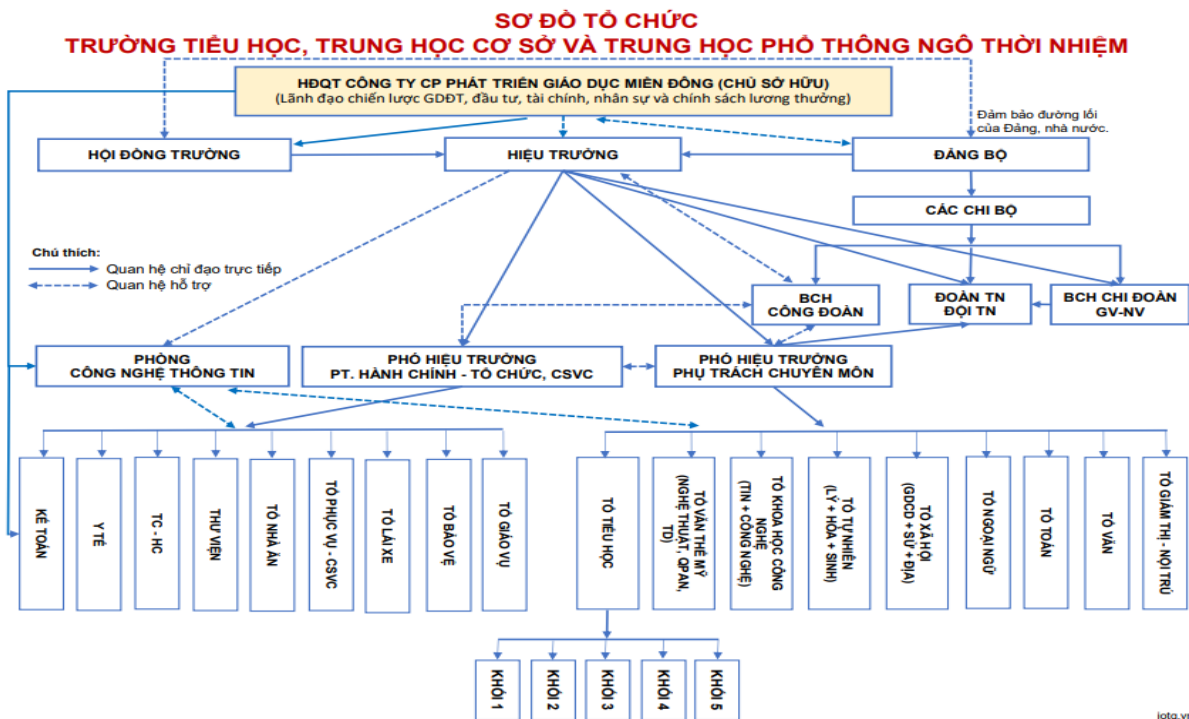
và nhân cách. Kết quả học tập học sinh luôn cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông từ năm 2005 đến nay luôn cao hơn tỉ lệ bình quân của thành phố, luôn đạt 100%. Số học sinh khá giỏi đầu vào rất hiếm nhưng trường vẫn có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố và đạt nhiều giải thưởng về hoạt động đoàn thể, hoạt động phong trào Văn – Thể - Mỹ, hoạt động xã hội..

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ**

- Ông Tường Nguyên Sự - Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Email: su@ngothoinhiem.edu.vn
- Điện thoại liên lạc: (028) 37310522;

**7. Tổ chức bộ máy**

- Nhà trường có cơ cấu tổ chức đầy đủ gồm:
  - + Đảng bộ
  - + Hội đồng trường
  - + Hiệu trưởng
  - + Phó hiệu trưởng
  - + Công đoàn cơ sở
  - + Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên tiền phong
  - + Các Tổ bộ môn, bộ phận



**7.1. Quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của trường hoặc điểm trường (nếu có)**

STT	Tên cơ sở	Quyết định	Ghi chú
1	Cơ sở 1	Thành lập theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 06 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm và Trường Trung học Phổ thông Tư thực Ngô Thời Nhiệm thành trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
	Cơ sở 4	theo Quyết định số số 809/QĐ-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	

**7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường**

STT	Họ tên	Chức danh	Nhiệm kì	Quyết định
1	(Bà) Nguyễn Thị Tố Uyên	Chủ tịch Hội đồng trường	2022-2027	<p>- Quyết định số 1740/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Hội đồng trường.</p> <p>- Quyết định số 375/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường</p> <p>- Quyết định số 1741/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở</p>
2	Bà Phạm Thị Thúy Vĩnh	Ủy viên	2022-2027	
3	Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên	2022-2027	
4	Ông Giang Quốc Dũng	Ủy viên	2022-2027	
5	Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	2022-2027	
6	Ông Bùi Anh Tuấn	Ủy viên	2022-2027	
7	Ông Tường Nguyên Sự	Ủy viên	2022-2027	
8	(Bà) Vũ Thị Nguyệt	Ủy viên	2022-2027	

STT	Họ tên	Chức danh	Nhiệm kì	Quyết định
9	(Bà) Lê Thị Dung	Ủy viên	2022-2027	Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Chủ tịch Hội đồng trường

### 7.3. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

STT	Họ tên	Chức danh	Nhiệm kì	Quyết định công nhận
1	Ông Tường Nguyên Sự	Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 3140/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 9 năm 2023 về việc công nhận Hiệu trưởng
2	Ông Huỳnh Linh Sơn	Phó Hiệu trưởng	2022 – 2027	- Quyết định số 729/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 9 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng ...
3	Ông Trần Nguyễn Quốc Văn	Phó Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 2400/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
4	Ông Nguyễn Hữu Tài	Phó Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 2407/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
5	Ông Lê Văn Công	Phó Hiệu trưởng	2024 – 2029	Quyết định số 1534/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2024 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng

### 7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Sơ đồ tổ chức bộ máy

Nhà trường ban hành Quyết định 225/QĐ- NTN ngày 06/9/2022 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường, đính kèm theo link <https://ngothonhiem.edu.vn/quyet-dinh-so-225qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-to-chuc-va-hoat-dong-cua-nha-truong-20220906-457494/>

### 7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

Xin giải thể 03 cơ sở của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm đã ngưng hoạt động

a) Cơ sở 1 tại địa chỉ số 27 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đã ngưng hoạt động từ tháng 8 năm 2008.

b) Cơ sở 2 tại địa chỉ số 300A, Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Đã ngưng hoạt động từ tháng 7 năm 2019.

c) Cơ sở 3 tại địa chỉ số 2A, Phan Văn Trị, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Đã ngưng hoạt động từ tháng 7 năm 2023.

#### 7.6. Thông tin của lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các cơ sở

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc	Nhiệm vụ, trách nhiệm
1	Ông Trương Nguyên Sự	Hiệu trưởng	0938354055	su@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách chung
2	Ông Nguyễn Hữu Tài	Phó Hiệu trưởng	0918171969	tainh@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách chung chuyên môn, trực tiếp phụ trách chuyên môn tại cơ sở chính
3	Ông Lê Văn Công	Phó Hiệu trưởng	0987312235	conglv@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường phước long	Phụ trách cơ sở vật chất, phong trào,



1	Cán bộ quản lý	5	5	100%	5	100%	0	3	2
2	Giáo viên	206	206	100%	206	100%	0	158	48
-	TH	48	48	100%	48	100%	0	43	5
-	THCS, THPT	158	158	100%	158	100%	0	115	43
3	Nhân viên	132	132	100%	132	100%	81	48	3

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT (Cụ thể đối với từng địa điểm; theo loại hình, cấp học được cho phép hoạt động)

#### 1. Diện tích

	Diện tích khu đất xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích bình quân/học sinh (m <sup>2</sup> )	
		Thực tế	Theo quy định
Trụ sở chính	10000 m <sup>2</sup>	4,5 m <sup>2</sup>	6 m <sup>2</sup>
Cơ sở 4	15.232,4m <sup>2</sup>	8 m <sup>2</sup>	6 m <sup>2</sup>

#### 2. Các hạng mục

##### - Trụ sở chính

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Khối phòng hành chính quản trị	10		
	- Phòng hiệu trưởng:	01	24	Đảm bảo quy định
	- Phòng Phó hiệu trưởng	02	24	Đảm bảo quy định
	- Văn phòng:	02	60	Đảm bảo quy định
	- Phòng giáo viên:	02	60	Đảm bảo quy định
	- Phòng y tế học đường:	01	24	Đảm bảo quy định
	- Kho	01	100	Đảm bảo quy định

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đổi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	- Phòng thường trực, bảo vệ:	01	36	Đảm bảo quy định
2	Khối phòng học tập	89		Đảm bảo quy định
	-Phòng học	76	1,50m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng thí nghiệm Hóa - Sinh	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng thí nghiệm Vật lý:	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng Công nghệ:	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng học STEM	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng đa chức năng	01	1,50m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng Âm nhạc:	02	1,50m <sup>2</sup> /học sinh	Chưa đạt
	- Phòng Mỹ thuật:	01	1,50m <sup>2</sup> /học sinh	Chưa đạt
	Phòng tin học	05	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	13		
	Thư viện	01	0,45m <sup>2</sup> /học sinh	Chưa đạt
	Phòng thiết bị giáo dục	03	24m <sup>2</sup> /phòng	Chưa đạt
	Phòng tư vấn học đường	01	24m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
	Phòng Đoàn Thanh niên	01	0,03m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	Phòng truyền thống	01	54m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
4	Khối phụ trợ			
	Phòng họp	02	1,20m <sup>2</sup> /người	Đảm bảo quy định
	Phòng các tổ chuyên môn	03	30m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	Phòng y tế trường học	01	24m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
	Nhà kho	05	48m <sup>2</sup> /kho	Đảm bảo quy định
	Khu để xe học sinh		0,50m <sup>2</sup> /xe đạp; 1,50m/xe máy	Chưa đạt
	Khu vệ sinh học sinh	16	0,06m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
	-Hồ bơi	01	315m <sup>2</sup>	Đảm bảo quy định
	- Sân đa năng	02	500m <sup>2</sup>	Đảm bảo quy định
	-Sân trường	01	1,2m <sup>2</sup> /học sinh	Chưa đạt
	Sân thể dục thể thao	02	0,35m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
6	Khối phục vụ sinh hoạt			
	Nhà bếp	01	0,30m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	Kho bếp	04	16m <sup>2</sup> /kho thực phẩm; 16m <sup>2</sup> /kho lương thực	Đảm bảo quy định
	Nhà ăn	03	0,75m <sup>2</sup> /chỗ	Đảm bảo quy định
	Nhà ở nội trú	28	4m <sup>2</sup> /chỗ	Đảm bảo quy định
7	Hạ tầng kỹ thuật khác			
	Hạ tầng CNTT, thoát nước ...			Đảm bảo quy định

**- Cơ sở 4**

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Khối phòng hành chính quản trị	10		

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đổi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	- Phòng hiệu trưởng: 01 phòng, diện tích 24m <sup>2</sup>	01	24	Đảm bảo quy định
	- Phòng Phó hiệu trưởng	02	24	Đảm bảo quy định
	- Văn phòng	01	240	Đảm bảo quy định
	- Phòng giáo viên::;	02	120	Đảm bảo quy định
	- Phòng y tế học đường:	01	56	Đảm bảo quy định
	- Kho	04	150	Đảm bảo quy định
	- Phòng thường trực, bảo vệ:	01	36	Đảm bảo quy định
2	Khối phòng học tập	100		Đảm bảo quy định
	-Phòng học	75	1,50m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng thí nghiệm Hóa	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng thí nghiệm Sinh	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng thí nghiệm Vật lý:	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng Công nghệ:	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng học STEM	02	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng đa chức năng	02	1,50m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng Âm nhạc:	02	2 m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	- Phòng Mỹ thuật:	02	20m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	-Phòng tin học	05	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	-Phòng ngoại ngữ	01	2m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	13		

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	Thư viện	01	0,6m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	Phòng thiết bị giáo dục	05	58m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
	Phòng tư vấn học đường	01	24m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
	Phòng Đoàn Thanh niên	01	0,03m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	Phòng truyền thống	01	60m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
4	Khối phụ trợ			
	Phòng họp	02	1,20m <sup>2</sup> /người	Đảm bảo quy định
	Phòng các tổ chuyên môn	03	30m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
	Phòng y tế trường học	01	24m <sup>2</sup> /phòng	Đảm bảo quy định
	Nhà kho	05	48m <sup>2</sup> /kho	Đảm bảo quy định
	Khu để xe học sinh		0,60m <sup>2</sup> /xe đạp; 20m/xe máy	Đảm bảo quy định
	Khu vệ sinh học sinh	16	0,06m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
	-Hồ bơi	01	315m <sup>2</sup>	Đảm bảo quy định
	- Sân đa năng	02	500m <sup>2</sup>	Đảm bảo quy định
	-Sân trường	01	1,8m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	Sân thể dục thể thao	02	0,35m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
6	Khối phục vụ sinh hoạt			
	Nhà bếp	01	0,30m <sup>2</sup> /học sinh	Đảm bảo quy định
	Kho bếp	04	24m <sup>2</sup> /kho thực phẩm;24m <sup>2</sup> /kho lương thực	Đảm bảo quy định

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m <sup>2</sup> )	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	Nhà ăn	02	1m <sup>2</sup> /chỗ	Đảm bảo quy định
	Nhà ở nội trú	40	5m <sup>2</sup> /chỗ	Đảm bảo quy định
7	Hạ tầng kỹ thuật khác			
	Hạ tầng CNTT, thoát nước ...			Đảm bảo quy định

### 3. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học hiện có	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Khối lớp 1	6	Đảm bảo quy định
2	Khối lớp 2	6	Đảm bảo quy định
3	Khối lớp 3	6	Đảm bảo quy định
4	Khối lớp 4	6	Đảm bảo quy định
5	Khối lớp 5	6	Đảm bảo quy định
6	Khối lớp 6	6	Đảm bảo quy định
7	Khối lớp 7	6	Đảm bảo quy định
8	Khối lớp 8	6	Đảm bảo quy định
9	Khối lớp 9	6	Đảm bảo quy định
10	Khối lớp 10	8	Đảm bảo quy định
11	Khối lớp 11	8	Đảm bảo quy định
12	Khối lớp 12	8	Đảm bảo quy định

### 4. Tài liệu học tập sử dụng chung

Đính kèm danh mục SGK sử dụng trong nhà trường, đường link: <https://ngoathoinhiem.edu.vn/thong-bao-so-90tb-ntn-ve-danh-muc-sgk-su-dung-trong-nam-hoc-2024-2025-20240717-212401/>

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC** (các thông tin được quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; thực hiện theo loại hình, cấp học được cho phép hoạt động)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm tự đánh giá mức độ trường đáp ứng nội hàm của các chỉ báo, tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng trong năm học 2024 – 2025 như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1:	28/28	Tỉ lệ: 100%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1:	00/28	Tỉ lệ: 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2:	27/28	Tỉ lệ: 96,4%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2:	01/28	Tỉ lệ: 3,6%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3:	18/20	Tỉ lệ: 90,0%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3:	02/20	Tỉ lệ: 10,0%
- Mức đánh giá của trường:	Mức 1	

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Nhà trường thực hiện đánh giá ngoài năm 2023 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 năm 2023 theo Quyết định số 4131\_44/QĐ- SGDĐT ngày 19/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Từng năm học nhà trường thực hiện tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục

**a) Kế hoạch tuyển sinh** (trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan)

+ Tuyển sinh: Lớp 1 đến lớp 12

+ Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước (không giới hạn nơi thường trú)

+ Hình thức tuyển sinh:

- Xét tuyển học bạ từ lớp 2 đến lớp 12.

- Lớp 1 đầu cấp kiểm tra sức khỏe, năng lực và tiếp nhận chính thức sau khi học thử 02 tuần (trong thời gian sinh hoạt hè).

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/06/2024 đến 31/08/2024. Trường hợp học sinh lớp 1 đầu cấp, phụ huynh có thể đăng ký để xét tuyển từ 01/05/2024.

+ Địa điểm học:

- Cơ sở 1: 65D Hồ Bá Phấn, P. Phước Long A, TP.Thủ Đức, TP.HCM

- Cơ sở 4: 73/8 Võ Văn Kiệt, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM

+ Tổ chức sinh hoạt hè: dự kiến 02 tháng, từ 10/6/2024 đến 10/8/2024

+ Tựu trường năm học mới: Thực hiện theo chỉ đạo của ngành giáo dục (dự kiến 19/08/2024)

### b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 số 134/KH-NTN ngày 09/9/2024. <https://ngothoinhien.edu.vn/ke-hoach-giao-duc-nha-truong-nam-hoc-2024-2025-20240909-848849/>

**c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh**

Nhà trường đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 158/QĐ-NTN ngày 19/9/2024 về việc ban hành Quy chế tiếp phụ huynh học sinh tại trường Ngô Thời Nhiệm <https://ngothoinhien.edu.vn/quyet-dinh-so-158qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-tiep-phu-huynh-20240919-719798/>

- Quyết định số 242/QĐ-NTN ngày 16/10/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm <https://ngothoinhien.edu.vn/quyet-dinh-so-242qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-thuc-hien-dan-chu-co-so-tai-truong-20241016-051840/>

**d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường**

ngoài giờ chính khóa năm học 2024 – 2025 <https://ngothoinhien.edu.vn/ke-hoach-so-159kh-ntn-ve-trien-khai-chuong-trinh-nha-truong-ngoai-gio-chinh-khoa-nam-hoc-2024-2025-20240919-719682/>

- Kế hoạch số 160/KH-NTN ngày 19/9/2024 về tổ chức dạy tăng cường Tiếng Anh (luyện kỹ năng Nghe-Nói), định hướng thi lấy chứng chỉ IELTS năm học 2024 – 2025. <https://ngothoinhien.edu.vn/ke-hoach-so-160kh-ntn-ve-to-chuc-day-tang-cuong-tieng-anh-dinh-huong-thi-lay-chung-chi-ielts-nam-hoc-2024-2025-20240919-732135/>

- Kế hoạch số 178/KH-NTN ngày 19/9/2024 về bồi dưỡng học sinh giỏi năm học 2024 – 2025 <https://ngothoinhien.edu.vn/ke-hoach-so-178kh-ntn-ve-boi-duong-hoc-sinh-gioi-nam-hoc-2024-2025-20240919-719587/>

- Kế hoạch số 161/KH-NTN ngày 19/9/2024 về phụ đạo học sinh chưa đạt năm học 2024 – 2025. <https://ngothoinhien.edu.vn/ke-hoach-so-161kh-ntn-ve-phu-dao-hoc-sinh-chua-dat-nam-hoc-2024-2025-20240919-719516/>

- Kế hoạch số 220/KH-NTN ngày 08/10/2024 về triển khai Công tác tư vấn trường học năm học 2024 – 2025 <https://ngothoinhien.edu.vn/ke-hoach-so-220kh-ntn-ve-trien-khai-cong-tac-tu-van-truong-hoc-nam-hoc-2024-2025-20241008-361022/>

**đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có)**

<https://ngothoinhien.edu.vn/thuc-don-hang-ngay-cua-hoc-sinh-20240902-272218/>

**2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế**

**a) Tình hình học sinh**

- Kết quả tuyển sinh:

Năm học	Lớp 1		Lớp 6		Lớp 10	
	Chỉ tiêu được giao	Đã tuyển	Chỉ tiêu được giao	Đã tuyển	Chỉ tiêu được giao	Đã tuyển
2024-2025		292		271	1260	747

- Thống kê học sinh:

+ Cấp Tiểu học:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2024-2025	1263	630	633	1263	60	0	41	30.8	111	151
Lớp 1	292	143	149	292	11	0	10	29.2	4	4
Lớp 2	290	133	157	290	13	0	9	32.2	36	30
Lớp 3	281	146	135	281	12	0	9	31.2	34	34
Lớp 4	208	104	104	208	10	0	6	34.7	19	46
Lớp 5	192	104	88	192	14	0	7	27.4	18	37

+ Cấp Trung học sơ sở:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2024-2025	1150	658	492	1150	59	2	33	34.9	102	210
Lớp 6	271	155	116	271	14	0	7	38.7	4	12
Lớp 7	338	189	149	338	17	1	10	33.8	38	71
Lớp 8	298	165	133	298	17	0	9	33.1	35	71
Lớp 9	243	149	94	243	11	1	7	34.7	25	56

+ Cấp Trung học phổ thông:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2024-2025	2221	1262	959	2221	42	0	64	34.7	141	97
Lớp 10	747	428	319	747	14	0	21	35.6	30	19
Lớp 11	759	429	330	759	17	0	22	34.5	78	57
Lớp 12	715	405	310	715	11	0	21	34.0	33	21

**b) Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp (Điều chỉnh theo tình hình thực tế loại hình, cấp học được cho phép hoạt động của đơn vị, đối sánh với năm trước liền kề)**

### KHỐI TIỂU HỌC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	1263	292	290	281	208	192
<b>II</b>	<b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>	1263	292	290	281	208	192
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>						
	<b>Phẩm chất</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Lớp 1</b>	<b>Lớp 2</b>	<b>Lớp 3</b>	<b>Lớp 4</b>	<b>Lớp 5</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1168 = 92.5%	282 =96.6%	285 =98,3%	248 =88,3%	193 =92.8%	160 =83.3%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	94 =7.4%	10 =3.4%	5 =1,7%	32 =11.4%	15 =7.2%	32 =16.7%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	1	0	0
	<b>Năng lực</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Lớp 1</b>	<b>Lớp 2</b>	<b>Lớp 3</b>	<b>Lớp 4</b>	<b>Lớp 5</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1152 =91.2%	282 =96.6%	275 =94.8%	251 =89.1%	190 =91.3%	153 =
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	110 =8.2%	10 =3.4%	15 =5.2%	29 =10.3%	18 =8.7%	39 =20.3%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 =0,1%	0	0	1 = 0,6%	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	608 =48,1%	171 =58,6%	154 =53,1%	122 =43,4%	88 =42,3,4%	73 =38%
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	436 =34,52%	95 =32,53%	100 =34,48%	100 =35,59%	84 =40,38%	57 =29,69%

3	<i>Hoàn thành, (tỷ lệ so với tổng số)</i>	218 =17,26%	26 =8,9%	36 =12,41%	58 =20,64%	36 =17,31%	62 =32,29%
4	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1 =0,1%	0	0	1 =0,6%	0	0
<b>V</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1162 = 99,9%	292 = 100%	290 = 100%	180 = 99,4%	208 = 100%	192 = 100%
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1044 = 82,7%	266 =91,1%	254 =87,5%	222 =79%	172 =82,7%	130 =67,7%
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	60 =4,8%	6 =0,2,1%	8 =2,8%	8 =2,8%	18 =8,7%	20 =10,4%
2	Ở lại lớp ( kiểm tra lại trong hè) (tỷ lệ so với tổng số)	1 =0,1%	0	0	1 =0,6%	0	0

### KHỐI THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	1150	271	338	298	243
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.48	98.15	97.93	95.30	89.30
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4.43	1.85	2.07	4.36	10.70
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.09	0	0	0.34	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	1150	271	338	298	243
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	40.43	47.97	42.01	38.59	32.10
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40.52	38.01	42.60	42.62	37.86
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	18.43	12.92	14.79	18.12	30.04
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.60	1.10	0.59	0.67	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	1150	271	338	298	243

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	10.78	9.22	11.53	13.08	8.64
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	29.65	38.74	30.47	25.50	23.45
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.60	1.10	0.59	0.67	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	18.86/8.86	4.42/1.47	22.78/11.24	24.16/11.74	23.04/10.28
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.34	0.36	0	0.33	0.82
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	47	8	14	18	7
1	Cấp huyện	29	6	9	9	5
2	Cấp tỉnh/thành phố	18	2	5	9	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	243				243
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	243				243
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng</b> (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	658/492	155/116	189/149	165/133	149/94
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	59	14	17	17	11

**KHÔI THPT**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm (số lượng)</b>	<b>2221</b>	<b>747</b>	<b>759</b>	<b>715</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	92.15	87.48	91.96	97.20
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7.40	11.84	7.38	2.80
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.41	0.67	0.53	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.05	0	0.13	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực (số lượng)</b>	<b>2221</b>	<b>747</b>	<b>759</b>	<b>715</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	24.27	15.07	21.21	37.06
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	52.95	44.82	53.23	61.12
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	22.55	39.57	25.43	1.82
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.17	2.40	1.05	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm (số lượng)</b>	<b>2221</b>	<b>747</b>	<b>759</b>	<b>715</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.770	99.46	99.86	100
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	2.79	0.93	3.95	3.49
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	21.38	14.05	17.25	33.42
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.17	2.40	1.05	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.22	0.53	0.13	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4.36/6.34	2.54/4.01	7.50/10.27	2.93/4.61
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1.66	2.81	1.05	1.11
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>66</b>	<b>13</b>	<b>35</b>	<b>18</b>
1	Cấp huyện (số lượng)	4		1	3
2	Cấp tỉnh/thành phố (số lượng)	58	13	30	15
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	4		4	
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp (số lượng)</b>	<b>715</b>			<b>715</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghệp</b>				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>				
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ (số lượng)</b>	1262/959	428/319	429/330	405/310
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số (số lượng)</b>	42	14	17	11

**c) Hoàn thành chương trình**

Năm học 2024-2025	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (THCS và THPT)	Số lượng học sinh trúng tuyển đại học (THPT)
Lớp 5	193	00	-

Năm học 2024-2025	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (THCS và THPT)	Số lượng học sinh trúng tuyển đại học (THPT)
Lớp 9	243	00	-
Lớp 12	715	00	632

**3. Số lượng học sinh đang học (đối với cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp)**

Năm học	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng (5)=(1)+(3)
	Số lượng (1)	Tỉ lệ (2)=(1)/(5)	Số lượng (3)	Tỉ lệ (4)=(3)/(5)	
2024-2025	00	00	00	00	00

*Ghi chú: Số lượng học sinh đang học tính đến hết năm học.*

**4. Chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp**

S T T	Bậc học	Tên chương trình (Ghi kèm theo Quyết định phê duyệt chương trình liên kết của cơ quan có thẩm quyền)	Quốc gia cung cấp chương trình	Thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp	Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục	Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục
1	Tiểu học	Không	Không	Không	Không	Không
2	Trung học cơ sở	Không	Không	Không	Không	Không
3	Trung học phổ thông	Không	Không	Không	Không	Không

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

**1. Tình hình tài chính** (thực hiện theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị trong năm tài chính đã báo cáo cơ quan có thẩm quyền và quy định tại khoản 1 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

Cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu

- Học phí
- Tiền ăn
- Nội trú
- Các khoản khác

b) Các khoản chi

- Lương, thưởng và các khoản trích theo lương
- Khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC
- Điện, nước, điện thoại và các dịch vụ
- Chế biến suất ăn
- Giảm học phí, trao học bổng
- Khen thưởng
- Chi phí khác

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học**

**2.1. Học phí** (Điều chỉnh theo tình hình thực tế loại hình, cấp học được cho phép hoạt động của đơn vị)

STT	Cấp học /bậc học	Năm học 2024-2025	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
1.	Khối 1	3.000.000	3.200.000
2.	Khối 2	3.000.000	3.200.000
3.	Khối 3	3.000.000	3.200.000
4.	Khối 4	3.000.000	3.200.000
5.	Khối 5	3.000.000	3.200.000
6.	Khối 6	3.500.000	3.700.000
7.	Khối 7	3.500.000	3.700.000
8.	Khối 8	3.500.000	3.700.000

STT	Cấp học /bậc học	Năm học 2024-2025	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
9.	Khối 9	3.700.000	3.900.000
10.	Khối 10	3.700.000	3.900.000
11.	Khối 11	3.800.000	4.000.000
12.	Khối 12	4.000.000	4.200.000

## 2.2. Các khoản thu khác

STT	Tên khoản thu	Năm học 2024-2025	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
1	Tiền ăn (bán trú)	- Tiểu học: 10.494.000 - THCS và THPT: 11.880.000	- Tiểu học: 10.494.000 THCS và THPT: 11.880.000
2	Tiền ăn (nội trú)	- Tiểu học: 23.958.000 - THCS và THPT: 23.760.000	- Tiểu học: 23.958.000 THCS và THPT: 23.760.000
3	Tiền quản lý nội trú	- Tiểu học: 14.355.000 - THCS: 16.200.000 - THPT: 17.100.000	- Tiểu học: 15.300.000 - THCS: 17.100.000 THPT: 18.000.000
4	Tiếng Anh tăng cường	- K1, 2: 2.700.000 - K3, 4, 5: 4.050.000 - K6 đến K11: 3.150.000	- K1, 2: 2.700.000 - K3, 4, 5: 4.050.000 K6 đến K11: 3.150.000

**3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học** (không có công khai ở nội dung này ghi “Không”)

Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông (đơn vị chủ sở hữu hệ thống trường Ngô Thời Nhiệm) đã ban hành quy định số 86/QyĐ-CPPTGGD về chính sách giảm học phí cho học sinh năm học 2024-2025 <https://ngothoinhiem.edu.vn/thong-bao->

[so-86tb-ntn-vbg-ve-cac-chinh-sach-giam-hoc-phi-cho-hoc-sinh-nam-hoc-2024-2025-20240708-432747/](#)

**4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có) (không có công khai ở nội dung này ghi “Không”)**

*Kết quả theo báo cáo tài chính <https://ngothonhiem.edu.vn/so-lieu-cong-khai-tai-chinh-nam-2024-20241231-638716/>*

**5. Các nội dung công khai tài chính khác: Không**

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật**

- Trong học kì I, nhà trường đã tăng cường công tác giáo dục ý thức thực hiện pháp luật, thực hiện nội quy nhà trường dưới nhiều hình thức như: Thực hiện chủ đề trong tiết sinh hoạt tập thể, trong tiết dạy môn hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt chủ nhiệm. Tổ chức mời công an địa phương tuyên truyền các chuyên đề giáo dục pháp luật về “An toàn giao thông”, “Phòng chống Ma túy – HIV”, “Tác hại của thuốc lá điện tử”; “Phòng chống trộm cắp và tệ nạn xã hội”; Tổ chức tuyên truyền cho học sinh kiến thức PCCC và diễn tập phương án phòng chống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ; tổ chức chuyên đề Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, chuyên đề Xây dựng trường học hạnh phúc, Tổ chức ngày pháp luật Việt Nam 9-11 ...vv.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện xây dựng “Trường học hạnh phúc” cho nhà trường và từng lớp trên cơ sở bộ tiêu chí trường học hạnh phúc do nhà trường ban hành cho các thành phần Lãnh đạo nhà trường, Giáo viên, Học sinh và Phụ huynh học sinh. Trong học kỳ 2 sẽ tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ đạt được để có cơ sở triển khai thực hiện trong năm nhưng học tiếp theo. Triển khai thực hiện kế hoạch vinh danh học sinh để lan tỏa những hình ảnh học sinh tiêu biểu, tích cực trong các hoạt động học tập, phong trào hoặc những tấm gương sáng để góp phần làm cho trường học ngày hạnh phúc hơn.

- Tổ chức khai thác có hiệu quả không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại trường; các bộ môn khoa học xã hội tổ chức cho học sinh nghiên cứu, học tập các chuyên đề tìm hiểu về Bác tại Không gian văn hoá Hồ Chí Minh trường Ngô Thời Nhiệm phù hợp với từng môn học.

- Tổ chức có hiệu quả mô hình câu lạc bộ phát thanh học đường xây dựng chuyên mục” Kể chuyện về Bác” nhằm giới thiệu rộng rãi đến Đoàn viên, học sinh tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh từ đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, hình thành ý thức tự giác của Đoàn viên trong học tập và trong cuộc sống.

### **2. Hoạt động chuyên môn**

- Nhà trường và tổ bộ môn đã xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị và của tổ bộ môn chi tiết, cụ thể. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giảng dạy, kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối học kỳ nghiêm túc. Thực hiện chấm bài tập trung, bằng máy đối với môn trắc nghiệm và thực hiện cắt phách đối với môn tự luận nên kết quả khách quan, phản ánh đúng trình độ học sinh.

- Triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số thông qua nội dung thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, dạy học thông qua hệ thống học tập LMS Vnedu để phát huy khả năng tư học, đọc, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn của giáo viên. Tăng cường đổi mới phương pháp và hình thức dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, bước đầu lồng ghép kiến thức cơ bản về AI vào các bài học, chủ đề dạy học của các môn học.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua phần mềm vnedu để trao đổi thông tin điểm số, báo bài, điểm danh, thực hiện sổ điểm điện tử và tin nhắn điện tử.

- Nhà trường triển khai chương trình GDPT 2018 một cách chủ động, linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Khối lớp 11 và 12, học sinh được chọn môn thi tốt nghiệp THPT phù hợp với định hướng nghề nghiệp và năng lực.

- Tổ chức chương trình Tiếng Anh luyện nghe nói với GV người nước ngoài từ lớp 1 đến lớp 11; Tổ chức lớp luyện thi lấy chứng chỉ IELTS theo nguyện vọng của học sinh.

- Tổ chức bồi dưỡng học sinh thi học sinh giỏi các cấp và phụ đạo cho học sinh TB -Yếu các khối 6 - 11 theo nguyện vọng của học sinh và CMHS để giúp học sinh tiến bộ.

- Nhà trường rất chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh, đã thực hiện 12 đề tài ở các bộ môn và chọn ra 06 đề tài tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố.

- Nhà trường đã phối hợp với tạp chí giáo dục TP.HCM, trung tâm hướng nghiệp TP.HCM tổ chức 02 buổi tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT nhằm giúp các em định hướng được việc chọn môn học, chọn ngành nghề phù hợp trong tương lai.

- Các cơ sở đã tổ chức chuyên đề hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT trong tháng 11 và 12 để giúp các em có định hướng chọn nghề chuẩn bị cho tương lai.

- Các cơ sở tổ chức đa dạng các câu lạc bộ trong và ngoài giờ chính khóa nhằm đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu nhằm mục tiêu biết chơi thành thạo một môn thể thao như: Bơi lội, võ thuật, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bóng chày ...vv. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu ngoài giờ như: Âm nhạc, Mỹ thuật, Stem, cờ vua, Trí tuệ nhân tạo, chụp ảnh... để học sinh có cơ hội học tập và phát huy năng khiếu của bản thân.

- Tổ chức cho học sinh tiểu học tham gia các sân chơi IOE, Vioedu, Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp trường lựa chọn học sinh tham gia cấp Quận, TP. Trong năm học này nhà trường còn khuyến khích và hướng dẫn HS tham gia các kì thi Toán quốc tế Timo, HKIMO, BBB giúp các em tiếp cận với các chương trình toán học quốc

### **3. Xây dựng trường học hạnh phúc – lớp học hạnh phúc – phòng nội trú hạnh phúc:**

Nhà trường luôn quan tâm, nhắc nhở các thành viên trong nhà trường (học sinh, giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý, phụ huynh chung tay xây dựng trường học hạnh phúc – lớp học hạnh phúc – phòng nội trú hạnh phúc. Điều này đã khích lệ, động viên các thành viên trong nhà trường đoàn kết, thấu hiểu lẫn nhau để cùng thực hiện tốt các tiêu chí mà nhà trường đã đặt ra.

#### **4. Hoạt động ngoại khóa, phong trào**

- Đối với khối Tiểu học nhà trường đã tổ chức cho 02 đoàn gần 1.000 học sinh tiểu học tham gia chương trình trải nghiệm 01 ngày ngoài nhà trường an toàn và phong phú về nội dung. Khối THPT sẽ tổ chức trải nghiệm ngoại khóa ngoài nhà trường tại Đà Lạt vào tháng 2/2025 theo kế hoạch đã thông báo.

- Trong học kỳ 1, nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào thi đua về chuyên môn và Văn- Thể - Mỹ chào mừng ngày Nhà giáo VN 20-11 do Trường và Ngành tổ chức và đã đạt nhiều thành tích, tạo sân chơi lành mạnh và bổ ích cho học sinh.

#### **5. Hoạt động đoàn, đội**

- Đoàn trường tổ chức lớp cảm tình Đoàn năm học 2024 – 2025; có 677 Đoàn viên được tham gia lễ kết nạp Đoàn ấn tượng tại di tích lịch sử Đền tưởng niệm Rạch Chiềc.

- Có 08 học sinh đạt danh hiệu học sinh 03 tốt cấp Tp Thủ Thức, 02 cấp Tp Hồ Chí Minh và đang chờ kết quả cấp TW.

- Giới thiệu 02 học sinh đạt danh hiệu “ Học sinh tiêu biểu làm theo lời Bác” cấp Tp Hồ Chí Minh tuyên dương trong hội trại 9/1

#### **5. Hoạt động xã hội**

- Tổ chức vận động quyên góp ủng hộ đồng bào miền Bắc bị ảnh hưởng do bão số 3 gây ra với số tiền 1,255 triệu đồng. Năm học 2024-2025 nhà trường đã tiếp nhận thêm 04 học sinh thuộc quỹ học bổng Vừ A Dính.

## 6. Chăm sóc sức khỏe

- Nhà trường đã tổ chức khám sức khỏe cho 100% học sinh các khối cấp; tổ chức cho học sinh tiểu học khám nha, uống thuốc tẩy giun, tiêm phòng cúm, tiêm phòng sởi cho học sinh tiểu học.

- Tỷ lệ học sinh toàn trường tham gia bảo hiểm y tế học sinh đạt tỷ lệ 99,12%. Các trường hợp học sinh chưa tham gia bảo hiểm y tế đầu năm, quý phụ huynh sắp xếp để học sinh được tham gia bảo hiểm y tế theo quy định. Phụ huynh đăng ký với GVCN để bổ sung việc mua bảo hiểm cho học sinh.

## 7. Thành tích đạt được trong học kỳ 1

### 7.1 Thành tích chuyên môn:

- Tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi RoboG toàn quốc 2024. Kết quả đạt Giải Nhất và giải Ba; tiếp tục tham dự thi vòng CK tại Trung Quốc vào tháng 2/2025.

- 01 giáo viên được trao danh hiệu "Công dân tiêu biểu của Tp.Thủ Đức" và 01 giáo viên được công nhận "Nhà giáo trẻ tiêu biểu của Tp.HCM" năm 2024.

- Tổ chức cho giáo viên tham gia cuộc thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp STEM cấp thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đạt 01 giải Nhất môn Sinh và 2 giải Ba môn Địa và Vật lý.

- Tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi nghiêm cứu KHKT cấp thành phố, kết quả đạt 02 giải Ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố Hồ Chí Minh (môn Vật lý và Lịch sử)

- Tổ chức cho học sinh khối THCS tham gia thi học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức. Kết quả đạt giải 1 1 học sinh được công nhận học sinh giỏi lớp 9 cấp quận và thành phố Thủ Đức, có 2 em lọt vào đội tuyển thi học sinh giỏi cấp thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 2/2025.

### 7.2 Thành tích hoạt động phong trào

- Tổ chức cho học sinh khối THCS và THPT tham gia cuộc thi Smart city 2024 cấp TP.HCM. Kết quả đạt 01 giải Ba và 4 giải KK.

- Đạt 1 HCV, 1HCB, 1 HCĐ trong hội thao Công đoàn TP.HCM.

- Giải Ba Hội thi thiết kế Lồng đèn của TP.Thủ Đức.

Trên đây là công bố công khai hoạt động giáo dục của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm năm học 2024 - 2025./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Tương Nguyên Sự**